

## **CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG**

### **Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

Thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW, với những nội dung cơ bản sau:

#### **I. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG**

##### **1. Những kết quả đạt được**

Thời gian qua, ngành công nghiệp có tốc độ tăng trưởng khá, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP tăng lên trong cơ cấu kinh tế. Năm 2010, tỷ trọng công nghiệp chiếm 9,07% trong GRDP, đến năm 2017 chiếm 10,95% trong GRDP; tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp trong GRDP giai đoạn 2011 - 2017 đạt 12,05%/năm<sup>1</sup>, giá trị tăng thêm công nghiệp năm 2017 bằng 2,22 lần năm 2010; giá trị sản xuất công nghiệp năm 2017 (theo giá so sánh năm 2010) đạt 13.540 tỷ đồng, bằng 1,93 lần so với năm 2010; tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011 - 2017 đạt 9,82%/năm<sup>2</sup>.

- Thế mạnh một số ngành công nghiệp chủ yếu (theo giá so sánh 2010):

+ Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục phát triển và khẳng định ưu thế, chiếm tỷ trọng trên 72,55% giá trị sản xuất ngành công nghiệp (theo số sơ bộ năm 2017), tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2017 đạt 8,63%/năm.

+ Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí chiếm khoảng 24,14% giá trị sản xuất ngành công nghiệp, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2017 đạt 18,14%/năm.

+ Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản chiếm khoảng 4,68% giá trị sản xuất ngành công nghiệp, tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011 - 2017 đạt 7,33%/năm.

- Đến năm 2017, tỷ lệ lấp đầy diện tích KCN Lộc Sơn đạt gần 70% và KCN Phú Hội đạt 100%. Tỷ lệ lấp đầy 06 CCN trọng điểm, gồm: Phát Chi đạt 89%; Đình Văn đạt 42,41%; Gia Hiệp đạt 100%; Lộc Phát đạt 25,59%; Lộc Thắng đạt 49,18%; Ka Đô đạt 25,83%.

---

<sup>1</sup> Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị tăng thêm của ngành công nghiệp trong GRDP giai đoạn 2011-2015 đạt 13,57%/năm, giai đoạn 2016-2017 đạt 8,34%

<sup>2</sup> Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2011-2015 đạt 11,48%/năm, giai đoạn 2016-2017 đạt 5,78%

- Trong công tác quy hoạch đã tập trung phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế như: công nghiệp chế biến, khai khoáng, điện; công tác quảng bá, xúc tiến mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp được quan tâm đẩy mạnh.

- Một số dự án trọng điểm đi vào hoạt động đã góp phần tăng thêm giá trị sản xuất công nghiệp như: Nhà máy Alumin Tân Rai; thủy điện Đồng Nai 2, 3, 4, 5; Nhà máy chế biến Artichaut của Công ty cổ phần Dược Lâm Đồng và Nhà máy chế biến cà phê của Công ty Alantic tại KCN Phú Hội; Nhà máy chế biến củ quả xuất khẩu của Công ty cổ phần Viên Sơn tại huyện Đức Trọng.

## **2. Những tồn tại hạn chế**

- Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp tuy có phát triển nhưng chưa tương xứng với tiềm năng của địa phương, tỷ trọng công nghiệp trong GRDP còn thấp, trình độ tổ chức sản xuất của ngành công nghiệp còn nhiều hạn chế, các sản phẩm từ nông nghiệp chủ yếu là sơ chế hoặc chế biến một phần nên giá trị thương mại tăng không cao.

- Quy mô sản xuất các doanh nghiệp phần lớn là nhỏ và siêu nhỏ; kỹ thuật công nghệ thấp, trình độ quản lý của chủ doanh nghiệp và tay nghề người lao động chưa cao; tính liên kết, hợp tác cộng đồng trong các doanh nghiệp không cao.

- Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đóng góp vào tăng trưởng kinh tế góp phần thu cho ngân sách địa phương rất khiêm tốn.

### **Nguyên nhân của những tồn tại hạn chế**

- Tỉnh Lâm Đồng không có cảng biển, đường sắt, xa các trung tâm kinh tế lớn nên việc vận chuyển hàng hóa không thuận lợi, chi phí vận chuyển chiếm tỷ lệ tương đối cao trong giá thành sản phẩm, ít có lợi thế cạnh tranh so với các tỉnh khác.

- Một số doanh nghiệp chưa chủ động xây dựng chiến lược phát triển lâu dài; công tác xúc tiến thương mại mở rộng thị trường xuất khẩu của doanh nghiệp còn đơn lẻ, chưa mang tính hệ thống; còn lúng túng trong việc liên kết để hỗ trợ cùng phát triển.

- Các chính sách khuyến khích hỗ trợ chưa đầy đủ, kịp thời để tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp trong ngành chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến khoáng sản.

- Trình độ kỹ thuật sản xuất và công nghệ của ngành công nghiệp nhìn chung ở tình trạng lạc hậu, thiết bị cũ, thiếu đồng bộ; từ đó ảnh hưởng đến chất lượng và giá thành sản phẩm, sức cạnh tranh trên thị trường chưa cao.

- Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp tuy được quan tâm đầu tư nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu; hạ tầng các khu, cụm công nghiệp chưa hoàn chỉnh, một số cụm công nghiệp chưa được triển khai đầu tư, thiếu quỹ đất sạch để thu hút, phát triển công nghiệp.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

1. Nhận thức đầy đủ, sâu sắc về quan điểm, mục tiêu và định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm

2045 theo Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị; tạo sự đồng thuận trong xã hội, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân, nâng cao trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong lãnh đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Cụ thể hóa mục tiêu, định hướng xây dựng chính sách công nghiệp quốc gia theo Nghị quyết số 23-NQ/TW phù hợp điều kiện thực tế của tỉnh để triển khai kịp thời, đảm bảo tính khả thi; đồng thời xác định các nội dung trọng tâm cần tập trung chỉ đạo, bảo đảm thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu của Nghị quyết về chính sách phát triển công nghiệp quốc gia.

3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW phải gắn với tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, chỉ đạo của Trung ương và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X; đề cao tính chủ động, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả trong thực hiện; thường xuyên cập nhật, bổ sung những chủ trương, chính sách mới đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

### **III. MỤC TIÊU**

#### **1. Mục tiêu tổng quát**

a) Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế cạnh tranh theo hướng hiện đại, bền vững; nâng cao tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế; đến năm 2030 cùng với cả nước, tỉnh Lâm Đồng hoàn thành mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cơ bản có nền công nghiệp theo hướng hiện đại; có tính cạnh tranh cao, một số sản phẩm công nghiệp có sức cạnh tranh quốc tế.

b) Tầm nhìn đến 2045, Lâm Đồng có nền công nghiệp phát triển hiện đại.

#### **2. Mục tiêu cụ thể đến 2030**

a) Tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 25%<sup>3</sup>; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GRDP đạt khoảng 20% (trong đó công nghiệp chế tạo đạt khoảng 5%).

b) Tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt tối thiểu 45%.

c) Tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng công nghiệp đạt bình quân 10,5%/năm; trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 15%/năm.

d) Tốc độ tăng năng suất lao động công nghiệp đạt bình quân 7,5 - 8%/năm.

đ) Tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ đạt trên 50%.

---

<sup>3</sup> Dự kiến đến năm 2030 tỷ trọng công nghiệp trong GRDP đạt trên 25%; tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo; thu hút, kêu gọi, ưu tiên đầu tư, phát triển các dự án chế biến cà phê rang xay, cà phê hòa tan, chế biến chè chất lượng cao, chế biến nông sản rau, củ, quả thế mạnh của tỉnh; tập trung xây dựng thương hiệu ngành tơ tằm phát triển bền vững... Đồng thời, tạo điều kiện thuận lợi, ưu tiên phát triển các dự án đầu tư chế biến hydroxit nhôm và ô-xít nhôm, xúc tiến thu hút các dự án đầu tư sản xuất nhôm và các sản phẩm sau nhôm. Ngoài ra, xu thế phát triển công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 vùng kinh tế Đông Nam bộ với thành phố Hồ Chí Minh là đầu tàu sẽ phát triển các tỉnh, thành phố vệ tinh trong đó có tỉnh Lâm Đồng, đặc biệt là sự dịch chuyển của các ngành sử dụng nhiều lao động như dệt may, da giày và các ngành công nghiệp chế biến khác... và theo đó tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp nói riêng, tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ cũng tăng lên đạt trên 50% vào năm 2030

e) Xây dựng một số cụm liên kết ngành công nghiệp, doanh nghiệp của tỉnh trong các lĩnh vực chế biến khoáng sản, chế biến cà phê, chè, rau, hoa, sản xuất tơ lụa...có quy mô hợp lý.

#### **IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU**

##### **1. Rà soát, điều chỉnh, bổ sung chính sách phân bố không gian và chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp**

a) Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Lâm Đồng theo hướng cơ cấu lại ngành công nghiệp cho phù hợp với chủ trương, chính sách Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh; phát huy lợi thế cạnh tranh, các thế mạnh của tỉnh và từng vùng, từng địa phương; thúc đẩy dịch chuyển các ngành công nghiệp chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động, tác động xấu đến môi trường sang các ngành công nghiệp công nghệ cao, thân thiện với môi trường.

b) Tiếp tục tạo dựng môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển các cụm liên kết công nghiệp. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế đồng bộ theo Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11/11/2016 của Tỉnh ủy để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch quỹ đất phát triển công nghiệp; tạo điều kiện phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại; tiếp tục đầu tư hoàn thiện hạ tầng các khu, cụm công nghiệp; đến năm 2020 lấp đầy diện tích các khu công nghiệp Lộc Sơn và Phú Hội, 70% các cụm công nghiệp trọng điểm; hoàn thành hệ thống giao thông ngoài hàng rào các cụm công nghiệp đã đầu tư hạ tầng; đến năm 2030 tiếp tục quy hoạch đầu tư xây dựng 1 - 2 khu công nghiệp, lấp đầy 100% các cụm công nghiệp; hoàn thành hạ tầng và thu hút đầu tư khu công nghệ thông tin, khu công nghệ cao; hình thành 2 trung tâm Logictist tại thành phố Bảo Lộc và huyện Đức Trọng.

c) Phát triển công nghiệp theo hướng chuyển dịch từ tăng trưởng chiều rộng sang tăng trưởng theo chiều sâu; phát triển công nghiệp sạch; nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của tỉnh; nâng cao giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học kỹ thuật trong phát triển công nghiệp. Đẩy nhanh tích hợp công nghệ thông tin và tự động hóa trong sản xuất công nghiệp nhằm tạo ra các quy trình sản xuất tiên tiến, thông minh, mô hình nhà máy thông minh, phát triển sản xuất các sản phẩm thông minh.

##### **2. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, gắn với vùng nguyên liệu và có lợi thế cạnh tranh của tỉnh**

a) Tiếp tục phát triển ngành công nghiệp thế mạnh của tỉnh

- Ngành công nghiệp chế biến nông sản: Thu hút đầu tư phát triển các trung tâm sau thu hoạch hiện đại, nhà máy chế biến quy mô lớn ở các vùng nguyên liệu tập trung chất lượng cao. Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp chế biến cà phê, chè, rau, hoa, điều, atiso, cây dược liệu, tơ tằm và các sản phẩm chăn nuôi khác..., đi vào chiều sâu, sử dụng công nghệ tiên tiến gắn với thương hiệu sản phẩm đặc trưng của tỉnh; đa dạng hoá sản phẩm, chú trọng tăng nhanh tỷ trọng những sản phẩm giá trị gia tăng cao và sản phẩm mới; đẩy nhanh tiến độ xây dựng trung tâm giao dịch hoa tại thành phố Đà Lạt và chợ đầu mối nông sản chất lượng cao huyện Đức Trọng; hình thành trung tâm nông sản khu vực phía Nam.

- Công nghiệp chế biến rượu và nước trái cây đặc trưng của tỉnh: Tập trung ưu tiên kêu gọi các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư phát triển các nhà máy chế biến rượu, nước trái cây,... với công nghệ tiên tiến, hiện đại tại các vùng thuận lợi về nguyên liệu. Phát triển theo hướng đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

b) Giai đoạn đến 2030, tập trung ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp

- Công nghiệp cơ khí, chế biến, chế tạo: Phát triển ngành cơ khí chế tạo máy móc để phục vụ các ngành kinh tế khác, trước mắt phục vụ cho công nghiệp sơ chế, chế biến nông sản thực phẩm (*rau, hoa, chè, cà phê, tơ tằm,...*) đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, chế biến lâm sản, khai thác và chế biến khoáng sản. Tập trung xây dựng một số cơ sở sửa chữa máy móc, thiết bị đặt gần các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản, các khu, cụm công nghiệp, cơ khí nhỏ ở vùng sâu vùng xa để sản xuất, sửa chữa thiết bị, máy móc phục vụ CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn.

- Công nghiệp dệt may: Hình thành các cụm dệt may tập trung; phát triển sản xuất nguyên liệu và công nghiệp hỗ trợ ngành dệt may; nâng cao năng lực tự thiết kế mẫu mã và phát triển sản phẩm mới; tạo mạng liên kết sản xuất giữa các doanh nghiệp trong ngành; đầu tư các công nghệ hiện đại, phù hợp với điều kiện sản xuất tơ lụa, dệt, may mặc; các thiết bị thêu ren đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

- Công nghiệp vật liệu xây dựng: Phát triển đa dạng các chủng loại vật liệu xây dựng (VLXD) mà Lâm Đồng có lợi thế cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước, trong đó tập trung vào sản xuất gạch ốp lát các loại, sứ vệ sinh. Nghiên cứu sản xuất các loại vật liệu xây dựng mới, vật liệu có thể thay thế vật liệu xây dựng tự nhiên. Đầu tư chiều sâu, đổi mới và nâng cấp công nghệ tiên tiến, hiện đại, tự động hóa, cơ giới hóa cao, phù hợp với trình độ chung của cả nước; Sản xuất được các sản phẩm VLXD có chất lượng tốt đạt tiêu chuẩn các nước trong khu vực và quốc tế, từng bước loại bỏ công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, gây ô nhiễm môi trường.

- Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản: Khai thác khoáng sản theo hướng tập trung, bền vững nhằm cung cấp nguyên liệu tại chỗ cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu theo hướng chế biến sâu, tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư chế biến hydrôxit nhôm và ô-xít nhôm, xúc tiến thu hút các dự án đầu tư sản xuất nhôm và các sản phẩm sau nhôm; các dự án thu hồi quặng kim loại, sản xuất vật liệu không nung từ bùn đỏ qua khai thác, chế biến quặng bauxit, sản xuất alumin; sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác và chế biến cao lanh, bentonit. Chú trọng và khuyến khích thăm dò, điều tra, khảo sát tiềm năng tài nguyên khoáng sản; xây dựng quy hoạch phát triển công nghiệp khoáng sản dài hạn. Khuyến khích áp dụng công nghệ sử dụng triệt để tài nguyên, kiểm soát được ô nhiễm môi trường.

- Công nghiệp hoá chất, cao su, nhựa, dược phẩm: Đầu tư theo chiều sâu, đa dạng hoá và nâng cao chất lượng sản phẩm để mở rộng thị trường, phát huy tối đa công suất các cơ sở hiện có. Nghiên cứu, khuyến khích đầu tư nhà máy sản xuất

nhựa gia dụng và công nghiệp, các loại vật dụng bằng vật liệu composit, ống nhựa....

- Công nghiệp sản xuất điện (*thủy điện, điện gió, điện mặt trời...*): Tập trung đầu tư, xây dựng, khai thác có hiệu quả các dự án thủy điện đã quy hoạch (*không tác động đến rừng tự nhiên*); khuyến khích đầu tư phát triển các dự án điện gió, điện mặt trời, năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch và điều kiện thực tế của địa phương.

- Đầu tư hạ tầng Khu công viên phần mềm Quang Trung Đà Lạt, Khu công nghệ thông tin tập trung tại huyện Lạc Dương để phát triển công nghiệp phần mềm, công nghệ thông tin - viễn thông nhằm đáp ứng yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tạo nền tảng công nghệ số cho các ngành công nghiệp khác; phát triển công nghiệp lắp ráp các thiết bị điện tử và các thiết bị gia dụng.

c) Giai đoạn 2030 - 2045, tập trung ưu tiên phát triển thể hệ mới của ngành công nghiệp công nghệ thông tin và viễn thông, phổ cập công nghiệp kỹ thuật số, tự động hóa, thiết bị cao cấp, vật liệu mới, công nghệ sinh học.

Phát triển công nghiệp theo cơ chế thị trường, tuân thủ các cam kết quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và các quy định của pháp luật. Tập trung đầu tư các ngành công nghiệp thể mạnh và ưu tiên của tỉnh, tránh đầu tư dàn trải.

### **3. Tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi phát triển công nghiệp**

a) Thực hiện tốt cơ chế đặc thù và đẩy mạnh ứng dụng hỗ trợ, khuyến khích đầu tư vào các lĩnh vực công nghiệp có giá trị gia tăng cao, các ngành công nghiệp ưu tiên, công nghệ sạch, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp phụ trợ. Thực hiện chính sách tín dụng cho vay theo mạng sản xuất, chuỗi giá trị trong sản xuất công nghiệp, cho vay trên cơ sở hiệu quả của dự án đầu tư. Nâng cao khả năng tiếp cận tài chính, tín dụng đối với các doanh nghiệp công nghiệp, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, xóa bỏ triệt để rào cản, bất bình đẳng trong tiếp cận tài chính, tín dụng của doanh nghiệp công nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

b) Đẩy nhanh việc thực hiện cơ chế giá thị trường theo lộ trình đối với các hàng hóa thiết yếu thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương; thực thi nghiêm ngặt hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn trong ngành công nghiệp để bảo vệ sản xuất và người tiêu dùng. Hướng dẫn và có biện pháp hỗ trợ phù hợp để các doanh nghiệp công nghiệp tham gia có hiệu quả các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại, xây dựng và thực hiện các chương trình xúc tiến thương mại đối với sản phẩm công nghiệp.

c) Thực hiện việc miễn, giảm thuế đối với các ngành công nghiệp ưu tiên theo chính sách của Trung ương; triệt để chống chuyển giá, chống trốn thuế theo quy định.

d) Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường. Đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, vi phạm sở hữu trí tuệ trong lĩnh vực công nghiệp, bảo đảm môi trường sản xuất kinh doanh lành mạnh.

đ) Tạo bước đột phá tạo lập môi trường khởi nghiệp trong lĩnh vực công nghiệp, nhất là khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Triển khai đồng bộ và quyết liệt các đề án, chương trình hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh. Kịp thời hỗ trợ các mô hình khởi nghiệp trong công nghiệp từ quỹ hỗ trợ khởi nghiệp và nguồn kinh phí khuyến công của tỉnh.

e) Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa quy trình và thủ tục, giảm mạnh thời gian và chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công; nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) cấp tỉnh, tạo điều kiện đơn giản nhất, thuận lợi nhất cho hoạt động của doanh nghiệp. Đẩy nhanh kết nối liên thông giữa thuế và hải quan; thực hiện có hiệu quả cơ chế một cửa quốc gia và kết nối một cửa ASEAN.

g) Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm tạo động lực cho phát triển sản xuất công nghiệp phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp, quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và quá trình hội nhập quốc tế. Thực hiện có kết quả chính sách ưu đãi đầu tư; tiếp cận và hỗ trợ doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu xây dựng, điều chỉnh chính sách ưu đãi đầu tư, nhất là chính sách đầu tư kinh doanh hạ tầng khu, cụm công nghiệp một cách tốt nhất phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng của tỉnh để huy động các nguồn vốn phát triển công nghiệp.

#### **4. Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp**

a) Đẩy nhanh việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp<sup>4</sup> thông qua việc thực hiện có kết quả Chương trình hành động số 49-CTr/TU ngày 24/10/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước; hỗ trợ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động trên lĩnh vực công nghiệp thuộc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước đóng trên địa bàn hoạt động có hiệu quả, nâng cao năng suất lao động, chất lượng cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

b) Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp tư nhân trong tỉnh thực sự trở thành một trong những động lực quan trọng trong phát triển công nghiệp của tỉnh; tiếp tục thực hiện quyết liệt Chương trình hành động số 47-CTr/TU ngày 24/10/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Chú trọng xây dựng và triển khai các chính sách nâng cao năng lực quản trị cho các doanh nghiệp công nghiệp. Có chính sách khuyến khích và tập trung hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh hiệu quả, có thương hiệu, thế mạnh và các sản phẩm đặc trưng của Lâm Đồng thành các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực công nghiệp.

<sup>4</sup> Gồm: Công ty TNHH một thành viên Lâm Nghiệp: Đơn Dương, Tam Hiệp, Di Linh, Bảo Thuận, Bảo Lâm, Lộc Bắc, Đa Huoai, Đa Tề

c) Khuyến khích phát triển các doanh nghiệp công nghiệp nhỏ và vừa, các doanh nghiệp hỗ trợ thuộc mọi thành phần kinh tế; thúc đẩy hình thành các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp nằm trong hệ thống các doanh nghiệp dịch vụ tư vấn phát triển công nghiệp của cả nước. Thực hiện lựa chọn phát triển công nghiệp hỗ trợ theo tiêu chí được nhà nước quy định phù hợp với điều kiện của tỉnh, tập trung vào các khâu còn yếu của chuỗi giá trị sản phẩm hoặc công đoạn quyết định đến chất lượng, giá trị sản phẩm. Hỗ trợ phát triển các nhà cung ứng trong các ngành công nghiệp ưu tiên, coi đây là cốt lõi của chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ.

d) Đẩy mạnh thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) về công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến; thực hiện thu hút FDI theo hướng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm. Lựa chọn, khuyến khích các dự án FDI vào các ngành công nghiệp đến năm 2030 theo hướng: Ưu tiên các dự án sử dụng công nghệ “*cao, mới, sạch, tiết kiệm*”; sử dụng nguyên liệu, phụ kiện sản xuất trong tỉnh và trong nước, có tỷ lệ chi cho nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ trong nước cao; có cam kết chuyển giao công nghệ, đào tạo lại, sử dụng nhân lực tại chỗ; ưu tiên hình thức liên doanh, liên kết sản xuất với các doanh nghiệp trong nước trong tỉnh; ưu tiên các công ty đa quốc gia có thương hiệu quốc tế và có năng lực cạnh tranh cùng các doanh nghiệp nước ngoài, tham gia vào lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

đ) Quản lý chặt chẽ về chế độ báo cáo thông tin của các doanh nghiệp FDI; nghiên cứu, xây dựng, đề xuất với Chính phủ một số dự án công nghiệp quan trọng để đưa vào danh mục dự án đầu tư công nghiệp quốc gia và triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư để thu hút FDI có chất lượng cao gắn với thực hiện các mô hình mới thu hút FDI trong lĩnh vực công nghiệp.

e) Thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ, tuyên truyền và tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm doanh nghiệp, nhất là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành nghề kinh doanh có điều kiện để chấn chỉnh, xử lý kịp thời các vi phạm trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như điều kiện kinh doanh, các quy định về lao động, tiền lương, kê khai thuế, nộp thuế, về bảo vệ môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động, phòng, chống cháy nổ...; đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ quan tư pháp trong việc giải quyết các tranh chấp về kinh tế, thương mại, dân sự... tạo môi trường lành mạnh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

## **5. Nâng cao chất lượng, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp**

a) Nghiên cứu thực hiện cơ chế, chính sách phát triển nhân lực công nghiệp, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đặc biệt là yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

b) Rà soát, đổi mới và nâng cao chất lượng các cơ sở đào tạo nhằm tạo nguồn nhân lực công nghiệp có khả năng làm chủ và tiếp cận các công nghệ mới; tăng cường công tác kiểm định chất lượng đào tạo để nâng cao chất lượng đào tạo. Khuyến khích tạo điều kiện thuận lợi để các cơ sở đào tạo hợp tác, liên kết và hỗ trợ nhau trong đào tạo, nâng cao trình độ nguồn nhân lực để tạo ra nguồn nhân lực



có tay nghề cao nhằm hỗ trợ cho các doanh nghiệp, góp phần thu hút đầu tư, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp sơ chế, chế biến nông sản, công nghiệp năng lượng...; khuyến khích khu vực tư nhân và các doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực công nghiệp chất lượng cao, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu, đào tạo với hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu của thị trường lao động công nghiệp.

c) Phát triển đồng bộ, lưu thông thị trường lao động công nghiệp về quy mô, chất lượng lao động và cơ cấu ngành nghề. Thực hiện cơ chế, chính sách để định hướng dịch chuyển lao động, nhất là lao động nông nghiệp sang lao động công nghiệp. Huy động các nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà ở và các công trình phúc lợi cho cán bộ có trình độ kỹ thuật cao và công nhân tại các khu, cụm công nghiệp. Có chính sách thu hút, sử dụng nhân tài có trình độ kỹ thuật, chuyên môn cao, có năng lực đổi mới, sáng tạo.

d) Tăng cường xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ doanh nhân công nghiệp trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ doanh nhân có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, kỹ năng quản lý, quản trị hiện đại, có đạo đức kinh doanh và có tinh thần trách nhiệm với quốc gia, dân tộc.

đ) Chú trọng xây dựng đội ngũ công nhân có tác phong công nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, tay nghề cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động năng suất, chất lượng, hiệu quả cao.

e) Chú trọng công tác đào tạo nghề, truyền nghề gắn kết giữa các cơ sở dạy nghề với các doanh nghiệp sử dụng lao động, đặc biệt là các doanh nghiệp trong các khu, cụm công nghiệp để cung ứng lực lượng lao động qua đào tạo; hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị, điều hành doanh nghiệp, cơ hội kinh doanh, tiếp cận thị trường nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; khảo sát dự báo nhu cầu nhân lực của các doanh nghiệp làm căn cứ để các cơ sở đào tạo chủ động lập kế hoạch đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo chuyên sâu; doanh nghiệp tạo điều kiện, chủ động liên kết với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong việc biên soạn chương trình, giáo trình đào tạo phù hợp với lĩnh vực hoạt động.

g) Ưu tiên đào tạo nghề cho lao động có đất bị thu hồi chuyển thành các khu, cụm công nghiệp. Tập trung thực hiện tốt kế hoạch phát triển dạy nghề tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030, trong đó có đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định 1956/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 27/11/2009 phê duyệt Đề án “*Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020*”.

## **6. Thực hiện tốt chính sách về phát triển khoa học công nghệ để phát triển công nghiệp**

a) Triển khai thực hiện đề án xây dựng thành phố Đà Lạt trở thành thành phố thông minh gắn với phát triển mạnh mẽ tạo sự bứt phá về hạ tầng, ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông, nhất là hạ tầng kết nối số bảo đảm an toàn, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu kết nối Internet thông suốt; khuyến khích xây dựng các trung tâm dữ liệu, đẩy mạnh phát triển khoa học phân tích, quản lý và xử lý dữ liệu. Tạo mọi

điều kiện cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng, bình đẳng, thuận lợi trong tiếp cận các cơ hội phát triển nội dung số, chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 của Việt Nam.

b) Tiếp tục triển khai có hiệu quả chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020, chương trình phát triển một số ngành công nghệ cao, chương trình quốc gia nâng cao năng suất và chất lượng của sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020; triển khai và đẩy nhanh việc thực hiện Đề án ứng dụng khoa học trong quá trình tái cơ cấu ngành công thương giai đoạn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh.

c) Đổi mới và phát triển mạnh mẽ thị trường khoa học công nghệ theo chương trình hành động số 48-CTr/TU ngày 24/10/2017 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, các viện, trung tâm nghiên cứu, các trường Đại học, cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, phát triển chuyển giao công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất kinh doanh; xác định doanh nghiệp là lực lượng quan trọng là trung tâm trong phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ; tập trung nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp.

d) Tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Khuyến khích và phát triển mạnh mẽ việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận độc quyền “***Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành***” đối với các sản phẩm rau, hoa, cà phê Arabica, du lịch canh nông; đồng thời tiếp tục trong xây dựng, đề nghị công nhận sử dụng nhãn hiệu “***Đà Lạt - Kết tinh kỳ diệu từ đất lành***” đối với các sản phẩm thể mạnh khác của tỉnh như trà, dược liệu, trái cây đặc sản,... Quản lý chặt chẽ và phát triển mạnh các nhãn hiệu chứng nhận độc quyền khác đã được công nhận; triển khai ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý, truy xuất nguồn gốc của sản phẩm công nghiệp có lợi thế cạnh tranh của tỉnh, mà trước hết là vùng sản xuất đặc sản đã qua sơ chế, chế biến, đóng gói.

đ) Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ. Đẩy mạnh thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học, công nghệ, hình thành dữ liệu về công nghệ, chuyển giao công nghệ của tỉnh trong cơ sở dữ liệu quốc gia về công nghệ, chuyển giao công nghệ. Phát triển dịch vụ tư vấn, thẩm định, môi giới, định giá sản phẩm khoa học và công nghệ; thúc đẩy hợp tác, chuyển giao công nghệ giữa công nghiệp quốc phòng, an ninh và công nghiệp dân sinh theo cơ chế, chính sách của Trung ương.

e) Kiểm soát chặt chẽ công nghệ đối với các ngành công nghiệp trên nguyên tắc kết hợp giữa tranh thủ công nghệ tiên tiến, lợi thế của nước đi sau, đi tắt đón đầu với cách tiếp cận tiên tiến nhằm tận dụng tối đa lợi thế của thời kỳ cơ cấu “dân số vàng” và khai thác có hiệu quả năng lực sản xuất hiện có; quản lý chặt chẽ việc nhập khẩu máy móc, thiết bị, công nghệ công nghiệp, bảo đảm chất lượng và hiệu quả cao.

g) Đổi mới căn bản, đồng bộ cơ chế quản lý tài chính đối với các tổ chức và hoạt động khoa học - công nghệ; phương thức sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học - công nghệ. Đẩy mạnh cơ chế hợp tác công - tư trong việc triển khai các dự án đổi mới công nghệ, nghiên cứu và phát triển; đổi mới việc tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các nhiệm vụ khoa học - công nghệ, mở rộng hình thức nhà nước đặt hàng nhiệm vụ khoa học - công nghệ và mua kết quả nghiên cứu theo quy định của pháp luật. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hình thành quỹ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ đủ lớn để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ. Áp dụng chính sách thuế, hỗ trợ tài chính, tiếp cận các nguồn lực phù hợp nhằm khuyến khích nghiên cứu, đổi mới, hiện đại hóa công nghệ.

h) Hỗ trợ xây dựng và phát triển các doanh nghiệp khoa học, công nghệ trong công nghiệp, đặc biệt là các ngành công nghiệp ưu tiên; khuyến khích các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực, ngành công nghiệp chủ lực, ưu tiên.

## **7. Quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc khai thác tài nguyên, khoáng sản, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển công nghiệp**

a) Đẩy mạnh thăm dò, đánh giá trữ lượng tài nguyên trên địa bàn tỉnh; xây dựng đề án, kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Chỉ cho phép áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản hiện đại, tiết kiệm, bảo vệ môi trường, mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội bền vững. Thực hiện nghiêm chỉnh chính sách pháp luật về đất đai, tạo quỹ đất sạch tại các khu, cụm công nghiệp và các khu vực khác; tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận thuận lợi theo cơ chế thị trường, phù hợp với quy hoạch.

b) Thực hiện lồng ghép các yêu cầu thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường trong tất cả các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển công nghiệp; khuyến khích các dự án đầu tư sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên và bảo vệ môi trường; quy định rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất công nghiệp và xử lý nghiêm các vi phạm. Khuyến khích phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường; huy động các nguồn vốn đầu tư các nhà máy xử lý nước thải, xử lý chất thải nguy hại tại các khu, cụm công nghiệp.

## **8. Nâng cao năng lực lãnh đạo các cấp ủy Đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phát huy quyền làm chủ nhân dân trong xây dựng và triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp quốc gia**

a) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp ủy Đảng và chính quyền về vai trò và nội dung chính sách công nghiệp quốc gia trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; xác định việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách công nghiệp quốc gia là một trong những nội dung lãnh đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cho từng sở, ngành, địa phương trong tỉnh.

b) Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực công nghiệp. Thực hiện việc rà soát, sắp xếp hệ thống quản lý công nghiệp từ tỉnh đến

các huyện, thành phố gắn với Kế hoạch số 48-KH/TU ngày 16/4/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương khóa XII “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*” đảm bảo tập trung, thông suốt, hiệu quả, có phân công, phân cấp rõ ràng; thiết lập cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành với các huyện, đồng nhất trong triển khai thực hiện chính sách phát triển công nghiệp.

c) Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp, các đối tượng chịu tác động với quá trình phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách phát triển công nghiệp, việc xây dựng và thực hiện các đề án, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển công nghiệp.

## V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng, ban hành các quy định, kế hoạch, cơ chế, chính sách cụ thể để triển khai thực hiện chương trình hành động.

2. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các huyện, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động này một cách sát thực, hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, địa phương mình. Hàng năm tiến hành sơ kết, đánh giá rút kinh nghiệm để thực hiện Chương trình có hiệu quả.

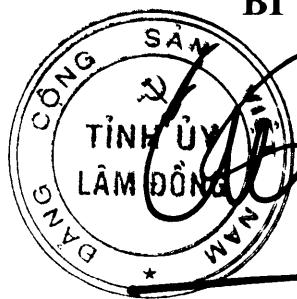
3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, định hướng các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh chú trọng, thường xuyên phổ biến các chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước về phát triển công nghiệp quốc gia, góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tích cực thực hiện có hiệu quả, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

4. Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện chương trình hành động này; định kỳ tổng hợp, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện theo quy định./.

### Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng,
- Ban Kinh tế Trung ương,
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các Đảng đoàn, Ban cán sự đảng,
- Các Ban của Tỉnh ủy,
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, KT<sub>2</sub>.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Nguyễn Xuân Tiên**